TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 17/2019/QĐST-DS	*Sóc Trăng, ngày 18 tháng 3 năm 2019.*

QUYẾT ĐỊNH
ĐÌNH CHỈ GIẢI QUYẾT VỤ ÁN DÂN SỰ

Căn cứ vào các Điều 48, 217, 218, 219 và khoản 2 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 245/2018/TLST-DS ngày 11 tháng 9 năm 2018 về việc "Tranh chấp về thừa kế tài sản".

Xét thấy: Nguyên đơn ông Trần Hữu T có đơn xin rút lại toàn bộ yêu cầu khởi kiện. Việc rút lại toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với quy định tại điểm c khoản 1 Điều 217 của Bộ luật tố tụng dân sự nên có cơ sở chấp nhận.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Đình chỉ giải quyết vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 245/2018/TLST-DS ngày 11 tháng 9 năm 2018 về việc "Tranh chấp về thừa kế tài sản" giữa:

- Nguyên đơn**:** Ông Trần Hữu T, sinh năm 1929. Địa chỉ: Số 12, ấp Khu 2, thị trấn TÔ, huyện TÔ, tỉnh VL.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Trần Hữu L**, sinh năm 1976. Địa chỉ: Số 12, ấp Khu 2, thị trấn TÔ, huyện TÔ, tỉnh VL (theo văn bản ủy quyền ngày 16/8/2018).

- Bị đơn: Ông **Trần Đại Â**, sinh năm 1951. Địa chỉ: Số 04, đường Đinh Tiên H, khóm H, phường M, thành phố S, tỉnh S.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Trần Mỹ A, sinh năm 1948. Địa chỉ: Ấp Bình H, xã Long Bình Đ, huyện CG, tỉnh TG.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Anh: Bà **Nguyễn Thị Bửu C,** sinh năm 1974. Địa chỉ: Số 56/13, đường TCĐ, khóm S, phường H, thành phố S, tỉnh S (theo văn bản ủy quyền ngày 02/11/2018).

2. Bà Trần Mỹ L**,** sinh năm 1953**.** Địa chỉ: Số 152, đường LHP, khóm B, phường Z, thành phố S, tỉnh S.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Lệ: Ông **Trần Đại L**, sinh năm 1956.

Địa chỉ: Số 167T, đường LHC, khóm M, phường B, thành phố S, tỉnh S (theo văn bản ủy quyền ngày 27/11/2018).

3. Ông **Trần Đại L,** sinh năm 1956**.** Địa chỉ: Số 167T, đường LHC, khóm M, phường B, thành phố S, tỉnh S.

4. Ông **Trần Văn L,** sinh năm 1959. Địa chỉ: Số 25/36A, đường PNH, khóm B, phường N, thành phố CM, tỉnh CM.

5. Ông **Trần Văn H,** sinh năm 1963.

6. Bà **Trần Mỹ L,** sinh năm 1966.

Cùng địa chỉ: Số 157, đường NT, khóm H, phường C, thành phố CM, tỉnh CM.

7. Bà **Trần Thị Đ,** sinh năm 1961. Địa chỉ: đường NĐC (chưa có số nhà), khóm M, phường T, thành phố CM, tỉnh CM.

8. Bà **Trần Lệ T,** sinh năm 1959. Địa chỉ: Số 177, khu vực AP, phường PT, quận CR, Thành phố C.

9. Bà Trần Lê K, sinh năm 1951. Địa chỉ: Số 169/21/12, đường BĐ, khóm N, phường B, thành phố S, tỉnh S.

10. Bà Trần Lệ D, sinh năm 1964. Địa chỉ: Số 196/21/12, đường BĐ, khóm N, phường B, thành phố S, tỉnh S.

11. Bà Trần Lệ Q, sinh năm 1974. Địa chỉ: Số 194, đường BĐ, khóm N, phường B, thành phố S, tỉnh S.

Người đại diện theo ủy quyền của K, D, Q: Bà **Trần Lệ T** sinh năm 1959. Địa chỉ: Số 177, khu vực AP, phường PT, quận CR, Thành phố C (theo văn bản ủy quyền ngày 25/10/2018).

12. Bà Trần Thị N, sinh năm 1939. Địa chỉ: Số 56/13 đường TCĐ, khóm S, phường H, thành phố S, tỉnh S.

Người đại diện theo ủy quyền của bà N là: Ông **Nguyễn Hữu C**, sinh năm 1970. Địa chỉ: Số 56/13, đường TCĐ, khóm S, phường H, thành phố S, tỉnh S (theo văn bản ủy quyền ngày 08/8/2018).

13. Bà Trần Thị D, sinh năm 1931 (chết)

- Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà Trần Thị D:

1. Ông Huỳnh Minh H**,** sinh năm 1957**.** Địa chỉ: Số 149T, đường ĐBP, phường S, thành phố S, tỉnh S.

2. Ông Huỳnh M**,** sinh năm 1965**.** Địa chỉ: Số 132/8, đường THĐ, phường H, thành phố S, tỉnh S.

- Bà Huỳnh Thị M**,** sinh năm 1960.

- Bà Huỳnh Ngọc D**,** sinh năm 1976.

Cùng địa chỉ: Số 89, đường 30/4, phường H, thành phố S, tỉnh S.

- Bà Huỳnh Thị Mỹ T**,** sinh năm 1966.

- Ông Huỳnh L**,** sinh năm 1974.

Cùng địa chỉ: Số 35, đường L, phường M, thành phố S, tỉnh S.

- Bà Huỳnh Thanh B**,** sinh năm 1969. Địa chỉ: Số 381/17, đường N, phường C, thành phố S, tỉnh S.

Người đại diện theo ủy quyền của H, M, M, B, L, D: Bà **Huỳnh Thị Mỹ T**, sinh năm 1966. Địa chỉ: Số 35, đường LTK, phường M, thành phố S, tỉnh S (theo văn bản ủy quyền ngày 08/8/2018).

14. Ông **Trần Đại T**

15. Bà **Liêu Triệu Minh T**

Cùng địa chỉ: Số 04, đường Đ, khóm H, phường M, thành phố S, tỉnh S.

2. Hậu quả của việc đình chỉ giải quyết vụ án:

- Ông Trần Hữu T có quyền khởi kiện lại vụ án theo quy định của pháp luật. Trả lại đơn khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ kèm theo cho nguyên đơn (nếu có yêu cầu).

- Về án phí sơ thẩm: Ông Trần Hữu T thuộc trường hợp được miễn nộp tiền tạm ứng án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản: Ông Trần Hữu T phải chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản là 1.150.000 đồng (một triệu một trăm năm mươi nghìn đồng). Do ông Trần Hữu T đã nộp tiền tạm ứng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản là 1.150.000 đồng nên ông T đã nộp xong tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản.

3. Các đương sự có quyền kháng cáo Quyết định này trong thời hạn 07 ngày, kể từ ngày nhận được quyết định. Viện kiểm sát có quyền kháng nghị theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;

THẨM PHÁN

- VKSND-TPST;
- Toà án nhân dân–TST;
- Chi cục THADS-TPST;
- Lưu hồ sơ.

(đã ký)

Lý Bích Khiếm